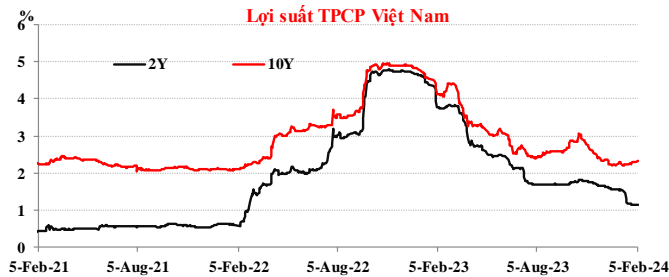

**Lãi suất LNH**
**Trái phiếu**

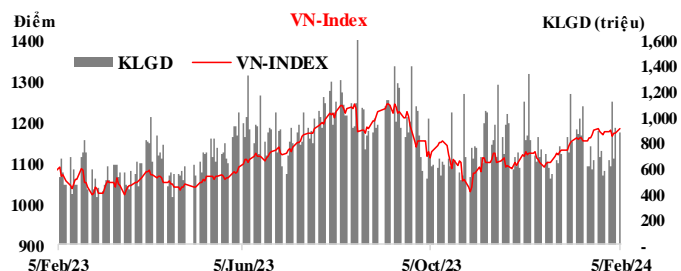
Kỳ hạn	Lãi suất LNH		USD		Kỳ hạn	Lợi suất	
	VND	D/D	D/D	D/D			
ON	1.77	0.36	5.17	0.00	3Y	1.19	0.000
1W	2.07	0.36	5.28	0.00	5Y	1.41	-0.006
2W	2.23	0.39	5.32	0.00	7Y	1.84	0.005
1M	2.18	0.27	5.40	0.00	10Y	2.32	0.016
2M	2.60	-0.03	5.48	0.01	15Y	2.52	-0.006
3M	2.80	0.00	5.53	-0.03			
6M	4.43	0.10	5.59	-0.02			
9M	4.86	-0.02	5.66	-0.02			
1Y	5.34	-0.03	5.69	-0.05			


**Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNNHN 05/02/2024**

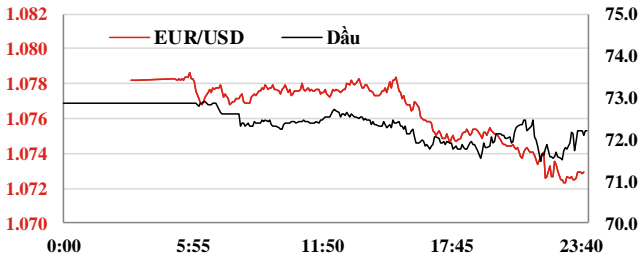
Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	1,000.00	-	-	-	2.28
Sell Outright	-	-	-	-	0.00
<b>Tổng</b>					

**Chứng khoán ngày 05/02/2024**

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
<b>Điểm</b>	1186.06	230.28	88.53
<b>%/ngày</b>	1.15%	-0.12%	0.18%
<b>%/30/12/2022</b>	17.8%	12.2%	23.6%
<b>KLGD (tr.đ.v)</b>	874.80	69.44	27.5
<b>GTGD (tỷ đ)</b>	19193.72	1338.55	434.10
<b>NDINN mua (tỷ đ)</b>	1446.95	26.31	82.61
<b>NDINN bán (tỷ đ)</b>	1435.44	163.71	5.69


**Tin trong nước ngày 05/02**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 05/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.954 VND/USD, giảm nhẹ 05 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.101 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.380 VND/USD, tăng 40 đồng so với phiên 02/02. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng mạnh 105 đồng ở chiều mua vào và 65 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 24.870 VND/USD và 24.970 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 05/02, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng mạnh 0,27 – 0,39 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 1,77%; 1W 2,07%; 2W 2,23% và 1M 2,18%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 5,17%; 1W 5,28%; 2W 5,32%, 1M 5,40%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp biến động nhẹ trái chiều; chốt phiên ở mức: 3Y 1,19%; 5Y 1,41%; 7Y 1,84%; 10Y 2,32%; 15Y 2,52%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có đảo hạn trong phiên hôm qua. Như vậy, có 2,28 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán có phiên giao dịch đầu tuần hứng khởi nhờ nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng hút tiền tích cực. Chốt phiên, VN-Index tăng 13,51 điểm (+1,15%) lên mức 1.186,06 điểm; HNX-Index mất 0,28 điểm (-0,12%) về 230,28 điểm; UPCoM-Index nhích 0,15 điểm (+0,88%) lên 88,53 điểm. Thanh khoản thị trường có cải thiện với giá trị giao dịch đạt gần 21.000 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng gần 50 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tổng thu NSNN tháng 01/2024 ước đạt gần 231 nghìn tỷ đồng, bằng 13,6% dự toán, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2023.** Trong đó: Thu nội địa ước đạt 14,3% dự toán, giảm 4,2% so cùng kỳ năm 2023; thu từ dầu thô ước đạt 10,9% dự toán, giảm 9% so cùng kỳ năm 2023 (giá dầu thanh toán trong kỳ bình quân đạt 83 USD/thùng, cao hơn 13 USD/thùng so với giá dự toán); thu cân đối NS từ hoạt động XNK đạt 19,9 nghìn tỷ đồng, bằng 9,8% dự toán, tăng 16,9% so với cùng kỳ. Tổng chi cân đối NSNN tháng 01 ước đạt 6,1% dự toán, xấp xỉ mức thực hiện so cùng kỳ năm 2023.



	5 Feb 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	104.45	0.51%	0.81%	3.08%
USD/CNY	7.20	0.09%	0.25%	1.41%
USD/EUR	0.93	0.40%	0.86%	2.75%
USD/JPY	148.67	0.20%	0.80%	5.39%
USD/KRW	1333.13	-0.35%	0.01%	2.99%
USD/SGD	1.35	0.37%	0.54%	2.12%
USD/TWD	31.40	0.10%	0.81%	2.35%
USD/THB	35.79	0.56%	1.02%	4.19%
USD/VND Trung tâm	23954	-0.02%	-0.34%	0.37%
USD/VND LNH	24380	0.16%	-0.62%	0.54%
USD/VND tự do	24918	0.49%	-0.33%	0.72%
Vàng	2024.67	-0.68%	-0.35%	-1.84%
Dầu WTI	72.78	0.69%	-5.21%	1.58%

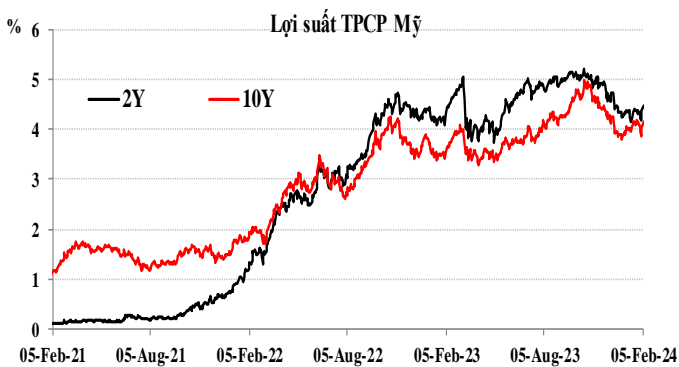
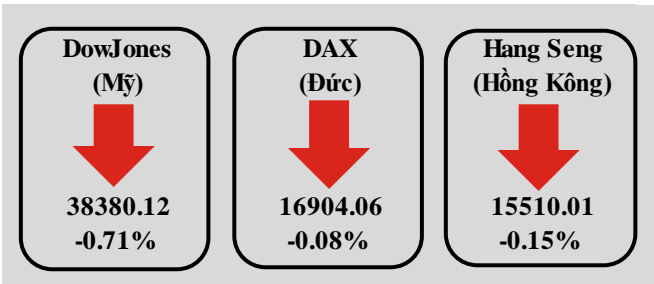
## Tin quốc tế

▪ **Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed Jerome Powell có phát biểu quan trọng về LSCS.** Trong buổi phỏng vấn ngày hôm qua 05/02, ông Powell nhận định triển vọng kinh tế khá lạc quan, lạm phát dù vẫn cao hơn so với mục tiêu của Fed nhưng cũng đã hạ nhiệt về mức vừa phải. Thị trường việc làm vẫn mạnh mẽ với tỷ lệ thất nghiệp thấp và tăng trưởng tiền lương ổn định. Theo đó, ông cho rằng Fed khó giảm LSCS ngay trong tháng 03/2024. Bên cạnh đó, ông cũng lưu ý thị trường rằng Fed vẫn đang dự kiến thực hiện khoảng 3 đợt cắt giảm LSCS trong năm nay. Sau những phát biểu trên của vị quan chức Fed, tâm lý thị trường có sự thay đổi. Công cụ dự báo của CME cho thấy Fed có khả năng giữ LSCS đi ngang ở 2 cuộc họp tiếp theo, và sẽ cắt giảm lại trong cuộc họp ngày 12/06/2024. Theo kịch bản chiếm ưu thế mà công cụ trên đưa ra, có khả năng Fed sẽ cắt giảm LSCS 5 lần trong năm nay, đưa LSCS cuối 2024 về mức 4,0% - 4,25%. Liên quan đến chỉ báo kinh tế Mỹ, Viện Quản lý Cung ứng ISM công bố PMI lĩnh vực dịch vụ tại nước này ở mức 53,4% trong tháng 1, tăng lên từ mức 50,6% của tháng trước đó và đồng thời vượt qua mức 52,0% theo dự báo.

▪ **Lĩnh vực dịch vụ tại Trung Quốc chưa khởi sắc trong tháng đầu năm.** S&P Global khảo sát cho biết PMI lĩnh vực dịch vụ tại Trung Quốc ở mức 52,7 điểm trong tháng 1, giảm nhẹ từ 52,9 điểm của tháng trước đó, trái với dự báo tăng nhẹ lên mức 53,0 điểm. Các công ty nhìn chung vẫn tương đối lạc quan về hoạt động kinh doanh trong 12 tháng tới khi CSTT đang rất hỗ trợ và đồng thời rủi ro lạm phát không cao khi giá dầu thế giới ổn định. Bên cạnh đó, các dấu hiệu đang cho thấy kim ngạch xuất nhập khẩu dần phục hồi với tốc độ vừa phải, cho thấy nhu cầu trong nước có cải thiện. Mặc dù vậy, cũng có một số ý kiến lo ngại lĩnh vực bất động sản có khả năng là điểm yếu của nền kinh tế, có thể kìm hãm đáng kể tới nhiều lĩnh vực khác, trong đó có dịch vụ.

### Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
05-02	7:00	***	Chủ tịch Fed Powell phát biểu			
05-02	8:45	**	PMI lĩnh vực dịch vụ Caixin Trung Quốc TI	52.7	53.0	52.9
05-02	22:00	***	PMI lĩnh vực dịch vụ ISM Mỹ TI	53.4	52.0	50.6
06-02	10:30	***	LSCS NHTW Úc RBA		4.35	4.35
06-02	16:30	**	PMI lĩnh vực xây dựng Anh TI		47.2	46.8



### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	20/3/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/9/2023	7/3/2024
Anh	GBP	5,25%	5,25%	3/8/2023	21/3/2024
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/1/2016	19/2/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35%	8/11/2023	6/2/2024

# Thị trường chứng khoán

## VN-INDEX



VN-Index tăng, đóng cửa tại 1.186,06 điểm. Thị trường có phiên giao dịch tích cực, xác nhận xu hướng tạo đáy ngắn hạn và nối dài đà tăng trong trung hạn. Thanh khoản của thị trường cũng ở mức khá với 874 triệu cổ phiếu được giao dịch. VN-Index có thể sẽ tiếp tục đà tăng trong những phiên sắp tới, thử thách ngưỡng tâm lý 1200 điểm.

### NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội  
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm  
Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích  
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)